

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: TRẦN NGỌC HẢI
- Năm sinh: 22/12/1969
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): 2005
Viện Công nghệ Châu Á (AIT) – Thái Lan
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm):
Phó Giáo Sư, năm 2010, Trường Đại học Cần Thơ
Giáo sư, năm 2018, Trường Đại học Cần Thơ

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Nuôi trồng thủy sản
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm):
Phó Hiệu Trưởng, Trường Đại học Cần Thơ

- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Hiệu Trưởng
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):
Năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023: Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường Đại học Cần Thơ

- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):
.....

- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):
.....

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- a) Tổng số sách đã chủ biên: 02 sách chuyên khảo; 02 giáo trình, 3 sách hướng dẫn kỹ thuật

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

- 1) **Trần Ngọc Hải** (CHỦ BIÊN), Châu Tài Tảo, Nguyễn Thanh Phương, 2017. Giáo trình **Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác**. Nhà Xuất Bản Đại Học Cần Thơ, 2017. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 157-2017/CXBIPH/30-03/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-833-5. Nộp lưu chiểu Quý 4 năm 2017. 211 trang
- 2) **Tran Ngoc Hai**, Truong Hoang Minh, Truong Quoc Phu, 2016. Book chapter - **Chapter 8 - Shrimp Industry in Vietnam**. In *Progress of shrimp and Prawn Aquaculture in the World*. I Chiu Liao, Nai-Hsien Chao and Leano (Editors). Published by: National Taiwan Ocean University, Keelung, Taiwan, The Fisheries Society of Taiwan, Keelung, Taiwan, Asian Fisheries Society, Manila, Philippines, and World Aquaculture Society, Louisiana, USA. **ISBN 978-986-04-7656-9. 181-204 pp**
- 3) **Trần Ngọc Hải**, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, Nguyễn Thanh Phương, 2017. Giáo trình **Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển**. Nhà Xuất Bản Đại học Cần Thơ, 2017. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3366-2017/CXBIPH/1-105/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-937-0. Nộp lưu chiểu Quý 4 năm 2017. 139 trang.
- 4) **Trần Ngọc Hải**, 2017. **Nguyên lý và Kỹ thuật nuôi cua biển**. NXB Nông nghiệp, 2017. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3305-2017/CXBIPH/2-208/NN ngày 29/9/2017. ISBN: 978-604-2606-8. Nộp lưu chiểu quý IV/2017. 138 trang
- 5) **Trần Ngọc Hải**, Châu Tài Tảo, 2020. Kỹ thuật ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) theo công nghệ Biofloc. NXB Nông nghiệp, 32 trang. ISBN: 9786046032786
- 6) **Trần Ngọc Hải**, Châu Tài Tảo, 2021. Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) quảng canh cải tiến theo hai giai đoạn áp dụng công nghệ Bioflocs. NXB Nông nghiệp, 32 trang. ISBN: 978604603284
- 7) **Trần Ngọc Hải**, Châu Tài Tảo, 2021. Nuôi tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) siêu thâm canh ứng dụng công nghệ Bioflocs. NXB Nông nghiệp, 32 trang. ISBN: 9786046033059

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: **172** bài báo tạp chí trong nước; **42** bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước: 5 năm (2019-2024)

1. Hứa Thái Nhân, Đào Minh Hải, Dương Thúy Yên, Võ Nam Sơn, Phạm Minh Đức và **Trần Ngọc Hải**, 2019. Hiện trạng và tiềm năng phát triển nuôi câu gai ở

- vùng biển Kiên Giang, Việt Nam. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(1B): 38-47.
2. Lê Quốc Việt và **Trần Ngọc Hải**, 2019. Ảnh hưởng của số lần cho ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng cua biển (*Scylla paramamosain*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(5B): 42-47. **ISSN 1859-2333**
 3. Châu Tài Tảo, Lý Văn Khánh, **Trần Ngọc Hải**, Lê Quốc Việt, Cao Mỹ Án, Phùng Văn Toàn, Đoàn Hữu Nghị và Hồ Văn Việt, 2019. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm sú (*Penaeus monodon*) bằng công nghệ biofloc ở các mật độ khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(4B): 64-71. **ISSN 1859-2333**
 4. Lê Quốc Việt, Trần Minh Phú, Lê Văn Thông và **Trần Ngọc Hải**, 2019. Nghiên cứu nuôi cá kèo (*Pseudapocryptes elongatus*) trong bể với các mật độ khác nhau theo công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(4B): 97-104. **ISSN 1859-2333**
 5. **Trần Ngọc Hải**, Phạm Văn Đây, Cao Mỹ Án và Châu Tài Tảo, 2019. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) bằng công nghệ biofloc với các mật độ khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(2B): 79-87. **ISSN 1859-2333**
 6. Lê Quốc Việt, Trần Minh Phú và **Trần Ngọc Hải**, 2019. Ảnh hưởng tỷ lệ C:N khác nhau lên tăng trưởng và tỷ lệ sống trong ương giống cá kèo (*Pseudapocryptes elongates*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(3B): 88-95. **ISSN 1859-2333**
 7. Phạm Minh Truyền, Lê Thanh Nghị, Châu Tài Tảo, Nguyễn Văn Hòa, **Trần Ngọc Hải**, 2020. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh theo công nghệ Bioflocs với các tỷ lệ C/N khác nhau. Tạp chí Khoa học Công nghệ nông nghiệp Việt Nam. Số 1 (110) 2020. Trang 102-108. **ISSN 1859-1558**.
 8. Châu Tài Tảo, Trần Nguyễn Duy Khoa, Nguyễn Văn Hòa, **Trần Ngọc Hải**, 2020. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) theo công nghệ biofloc với các nguồn carbon bổ sung khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (2): 29-36.
 9. Lý Văn Khánh, Cao Mỹ Án và **Trần Ngọc Hải**, 2020. Ảnh hưởng của thức ăn khác nhau lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá chim vây vàng (*Trachinotus blochii*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(Số chuyên đề: Thủy sản)(2): 43-47.
 10. Nguyễn Hoàng Vinh, Nguyễn Thị Ngọc Anh và Trần Ngọc Hải, 2020. Nghiên cứu khả năng hấp thụ đạm (N) và lân (P) trong nước thải từ nuôi tôm sú thâm canh của rong câu chỉ (*Gracilaria tenuistipitata*) ở các mật độ và chế độ sục khí khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (2): 59-69.
 11. Nguyễn Văn Hòa, Trần Ngọc Hải, Takeshi Terahara và Châu Tài Tảo, 2020. Ảnh hưởng của bổ sung probiotic trong ương ấu trùng tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931) theo công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(4B): 146-153.
 12. Tảo, C. T., Hòa, N. V., & Hải, T. N. (2021). Nghiên cứu ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931) theo công nghệ biofloc bằng cách bổ sung đường cát để đạt các tỷ lệ C/N khác nhau. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 57(CĐ Thủy Sản), 26-32. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2021.060>

13. Khánh, L. V., Ân, C. M., Khoa, T. N. D., & Hải, T. N. (2022). ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỘ MẶN LÊN TĂNG TRƯỞNG VÀ TỶ LỆ SỐNG CỦA CÁ CHIM VÂY VÀNG (*Trachinotus blochii*) GIỐNG ƯƠNG TRONG HỆ THỐNG TUẦN HOÀN. Tạp Chí Khoa học Và công nghệ nông nghiệp Trường Đại học Nông Lâm Huế, 6(1), 2791–2797. <https://doi.org/10.46826/luaf-jasat.v6n1y2022.842>
14. Vinh, N. H., Anh, N. T. N., & Hải, T. N. (2022). Ảnh hưởng của các mức bổ sung dinh dưỡng lên sự sinh trưởng, hiệu suất và đặc tính gel agar của rong câu chỉ (*Gracilaria tenuistipitata*) ở điều kiện thí nghiệm. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 58(3), 231-239. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2022.061>
15. Hải, T. N., & Việt, L. Q. (2022). Phát triển hệ thống nuôi siêu thâm canh tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) trong hệ thống tuần hoàn kết hợp đa loài, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 58(SDMD), 91-103. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2022.195>

- Quốc tế: 5 năm (2019-2024)

1. Nguyễn Thị Ngọc Anh, **Trần Ngọc Hải**, Lam Mỹ Lan, Bùi Nguyễn Thu An, 2019. Integrating different densities of white leg shrimp *Litopenaeus vannamei* and red seaweed *Gracilaria tenuistipitata* in the nursery phase: effects on water quality and shrimp performance. *Journal of Applied Phycology*, Volume 31, Number 5 (2019), pp: 3223-3234. ISSN: 0921-8971 (Print) 1573-5176 (Online), SCI - IF 2.635.
2. Ngô Thị Thu Thảo, **Trần Ngọc Hải**, Cao Mỹ Ân, Yasuhiko Taki, Kwang-Sik Choi, 2018. Seasonal changes of reproductive cycle and proximate compositions in *Cerithidea obtusa* from Ca Mau mangrove forest, Vietnam. *International Journal of Scientific and Research Publications*. Volume 8, Issue10 (2018) pp: 561-569 . ISSN 2250-3153
3. Nguyễn Thị Ngọc Anh, **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Hoàng Vinh, Luong Thi Hong Ngan, 2018. Co-Culture of Red Seaweed (*Gracilaria tenuistipitata*) and Black Tiger Shrimp (*Penaeus monodon*) with Different Feeding Rations. *International Journal of Scientific and Research Publications*. 8(9) (2018) pp: 269-177. ISSN 2250-3153
4. **Tran Ngoc Hai***, Chau Tai Tao, Tran Nguyen Duy Khoa, Ly van Khanh and Nguyen Thi Ngoc Anh, 2020. Nursery of the Black Tiger Shrimp *Penaeus Monodon* Postlarvae in a Biofloc System with Different Carbon Sources. *Oceanography & Fisheries Open Access Journal (OFOAJ)*. Volume 11 Issue 5 - February 2020. pp. 0077-0084. ISSN: 2476-0536. DOI: 10.19080/OFOAJ.2020.11.555821. ePub Audio FullText PDF
5. Tran Nguyen Duy Khoa*, Chau Tai Tao, Ly Van Khanh, **Tran Ngoc Hai***, 2020. Super-intensive culture of white leg shrimp (*Litopenaeus vannamei*) in outdoor biofloc systems with different sunlight exposure levels: Emphasis on commercial applications. *Aquaculture*, Volume 524, 15 July 2020, 735277. ISSN: 0044-8486. ISI, IF 3.022
6. **Tran Ngoc Hai**, Nguyen Thanh Phuong, Nguyen Van Hoa, Nguyen Thi Ngoc Anh, Ly Van Khanh, Le Quoc Viet, Chau Tai Tao, Ngo Thi Thu Thao, Patrick Sorgeloos. 2020. PROMOTING COASTAL AQUACULTURE FOR

- ADAPTATION TO CLIMATE CHANGE AND SALTWATER INTRUSION IN THE MEKONG DELTA, VIETNAM. *World Aquaculture*. 6/2020. 19-26
7. Nguyen Thi Ngoc Anh, **Tran Ngoc Hai**, Lam My Lan, Nguyen Hoan Vinh, Bui Nyuen Thu An, 2020. POLYCULTURE CULTURE OF BLACK TIGER SHRIMP *PENAEUS MONODON* AND RED SEAWEED *GRACILARIA TENUISTIPITATA* UNDER DIFFERENT DENSITIES: EFFECTS ON WATER QUALITY, POST-LARVAE PERFORMANCE AND THEIR RESISTANCE AGAINST *VIBRIO PARAHAEMOLYTICUS*. *Journal of Applied Phycology*. 32. 4333–43
 8. Nguyen Minh Khiem, Yuki Takahashi, Dang Thi Hoang Oanh, **Tran Ngoc Hai**, Hiroki Yasuma, Nobuo Kimura, 2020. The use of machine learning to predict acute hepatopancreatic necrosis disease (AHPND) in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta of Vietnam. *Fisheries Science*, Volume 86, pages 673–683(2020).
 9. Tran Huu Tinh, Tom Koppenol, **Tran Ngoc Hai**, Johan AJ Verreth, Marc CJ Verdegem, 2021. Effects of carbohydrate sources on a biofloc nursery system for whiteleg shrimp (*Litopenaeus vannamei*). *Aquaculture* Volume 531, 30 January 2021, 735795. <https://doi.org/10.1016/j.aquaculture.2020.735795>
 10. Tran Huu Tinh, **Tran Ngoc Hai**, Johan AJ Verreth, Marc CJ Verdegem, 2021. Effects of carbohydrate addition frequencies on biofloc culture of Pacific white shrimp (*Litopenaeus vannamei*). *Aquaculture*. Volume 534, 15 March 2021, 736271. <https://doi.org/10.1016/j.aquaculture.2020.736271>
 11. Nguyen Minh Khiem, Yuki Takahashi, Hiroki Yasuma, Dang Thi Hoang Oanh, **Tran Ngoc Hai**, Vu Ngoc Ut, Nobuo Kimura, 2022. Use of GIS and machine learning to predict disease in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta, Vietnam. *Fisheries Science*, 2022, 88(1-13)
 12. Nguyen Thi Ngoc Anh, Nguyen Hoang Vinh, Dang Trung Doan, Lam My Lan, Akira Kurihara, **Tran Ngoc Hai**, 2022. Co-culture of red seaweed *Gracilaria tenuistipitata* and black tiger shrimp *Penaeus monodon* in an improved extensive pond at various stocking densities with partially reduced feed rations: a pilot-scale study. *Journal of Applied Phycology*, 34, pages 1109–1121 (2022)
 13. TH Tinh, F Kokou, **TN Hai**, JAJ Verreth, MCJ Verdegem, 2023. Effects of feed, carbohydrate addition and stocking density on Pacific white shrimp (*Litopenaeus vannamei*) production. *Aquacultural Engineering* 101, 102325
 14. NM Khiem, Y Takahashi, H Yasuma, DTH Oanh, **TN Hai**, VN Ut, N Kimura, 2023. Use of GIS and machine learning to predict disease in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta, Vietnam, *Fisheries Science*, 1-1
 15. HT Toi, NTN Anh, PTT Ngan, TNH Nam, **TN Hai**, 2023. Effects of stocking densities and seaweed types as shelters on the survival, growth, and productivity of juvenile mud crabs (*Scylla paramamosain*). *The Egyptian Journal of Aquatic Research*
 16. 25. Nguyen Thi Ngoc Anh, Charles Wambua Kitheka, Huynh Truong Giang, Vu Hung Hai, Tran Nguyen Duy Khoa, **Tran Ngoc Hai**, 2023. Screening antioxidant activity of seaweed extracts collected in the Vietnamese Mekong Delta for dietary supplementation of whiteleg shrimp *Litopenaeus vannamei*. *Egyptian Journal of Aquatic Research*. <https://doi.org/10.1016/j.ejar.2023.12.005>.

17. Anh, N.T.N., Nam, **T.N.Hai**, Lan, L.M. et al. 2024. Polyculture of black tiger shrimp *Penaeus monodon*, mud crab *Scylla paramamosain* and red seaweed *Gracilaria tenuistipitata*, in improved extensive ponds in the Mekong delta, Vietnam. *Aquacult Int* 32, 1975–2003 (2024). <https://doi.org/10.1007/s10499-023-01254-w>.
18. Thanh Toan Vo a , Thi My Hoang To a , Hoang Huy Huynh b,c,d,* , **Ngoc Hai Tran** a , Dac Dinh Tran a , Wen-Pei Tsai d , Thanh Tung Nguyen b. Revealing the reproductive biology and growth dynamics of *Arius maculatus* (Thunberg, 1792) in the Mekong Delta estuary, Vietnam. *Regional Studies in Marine Science*. Volume 74, September 2024, 103544

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: cấp Nhà nước; **12** cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

| T T | Tên CT, ĐT | Vai trò | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Ngày nghiệm thu |
|--------|---|-----------|---|---------------------|-----------------|
| 1 | ĐT: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất giống cá bớp (<i>Rachycentron canadum</i> , Linnaeus 1766) tại huyện Kiên Hải, Kiên Giang | Chủ nhiệm | Cấp tỉnh, MS: DP 2010-15 Sở Khoa học & Công nghệ Tỉnh Kiên Giang | 7/2010-11/2013 | 06/10/2014 |
| 2 | ĐT: Gia hóa và chọn lọc tôm càng xanh bố mẹ phục vụ sản xuất giống ở Đồng Tháp | Chủ nhiệm | Cấp tỉnh, MS: DP2011-02, Sở Khoa học & Công nghệ Tỉnh Đồng Tháp | 6/2011-11/2014 | 28/01/2015 |
| 3 | Nghiên cứu xây dựng và ứng dụng quy trình ương ấu trùng và ương giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) chất lượng cao bằng công nghệ Bioflocs | Chủ nhiệm | Số 21/HĐ-CPU Đề tài thuộc dự án thích ứng biến đổi khí hậu ở ĐBSCL (AMD Tỉnh Trà Vinh) | 9/2016-8/2018 | 2/7/2019 |
| 4 | Phân tích chuỗi giá trị hàng tôm và xây dựng mô hình | Thư ký | Đề tài Tây Nam Bộ - Đại | 4/2017-4/2020 | Tháng 3/2021 |

| | | | | | |
|---|--|-----------|--|----------------|---------------------|
| | nuôi tôm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho vùng Tây Nam Bộ | | học Quốc Gia TP HCM và Bộ KH-CN MS: KH-CN-TNB.ĐT/14-19/C07 | | |
| 5 | Khái niệm về hệ thức ăn dinh dưỡng trong ao nuôi để sản xuất tôm, cá chất lượng | Chủ nhiệm | EUNETH010 16NCTS - Hợp tác quốc tế (Do WOTRO – Hà Lan tài trợ) | 2015 - 2019 | Kết thúc 2019 |
| 6 | Phát triển công nghệ cao trong nuôi thủy sản – Green technology innovation in aquaculture | Chủ nhiệm | F2 – Chương trình nghiên cứu Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ do JICA tài trợ | 1/2018-12/2020 | Tháng 6/2021 |
| 7 | Design and conduct the pilot for the Recirculatory Aquaculture System (RAS) in shrimp farming | Chủ nhiệm | GIZ | 10/2021 - 2024 | Chuẩn bị nghiệm thu |
| 8 | Ứng dụng qui trình nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh trong hệ thống tuần hoàn kết hợp đa loài tại tỉnh Cà Mau | Chủ nhiệm | Sở KH-CN Tỉnh Cà Mau | 2023-2024 | Đang triển khai |

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 03 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

| Họ và tên NCS | Tên Luận án | Cơ sở đào tạo | Năm bảo vệ | Hướng dẫn |
|-------------------|--|---|------------|-----------|
| Huỳnh Kim Hường | Nghiên cứu hiện trạng và một số đặc điểm sinh học tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i> De Man, 1879) nuôi trong môi trường nước lợ | Trường Đại học Cần Thơ | 2016 | Chính |
| Phạm Công Kính | Đánh giá hiệu quả tài chính và kỹ thuật của các hình thức sản xuất và đề xuất giải pháp nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) thâm canh ở ĐBSCL | Trường Đại học Cần Thơ | 2017 | Chính |
| Lê Thị Phương Mai | Nghiên cứu tác động của xâm nhập mặn và khả năng thích ứng trong nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL | Trường Đại học Cần Thơ | 2017 | Chính |
| Phạm Minh Truyền | CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ BIOFLOC TRONG ƯƠNG ẬU TRÙNG TÔM CÀNG XANH (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) | Trường Đại học Cần Thơ | 2024 | Chính |
| Ngô Tiến Chương | Nghiên cứu phát triển mô hình nuôi tôm lúa bên vũng hướng tới chứng nhận hữu cơ tại huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau | Viện Tài nguyên và Môi trường – Đại học Quốc gia Hà Nội | 2024 | Chính |

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (*Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...*):

Tạp chí:

- 1) Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh Phương, **Trần Ngọc Hải**, 1997. Những vấn đề về kỹ thuật và kinh tế xã hội trong mô hình tôm - rừng ở Huyện Ngọc Hiển (Cà Mau). Tuyển tập báo cáo khoa học Hội nghị Sinh học biển toàn quốc Lần thứ nhất. NXB Khoa học và kỹ thuật, 444-452. Giáp phép xuất bản số 311-87-2 của Cục xuất bản cấp ngày 1/8/1997. Nộp lưu chiểu tháng 2/1998.
- 2) **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Lê Hoàng Yến, Lê bảo Ngọc, Trần Thị Tuyết Hoa, 1999. Ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) với các loại thức ăn và chế độ cho ăn khác nhau trong mô hình nước

- xanh cải tiến. Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học Đại học Cần Thơ, Nông Nghiệp – Phần II, 167-171. Giấy phép xuất bản số 3426/GPXB của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995.
- 3) **Trần Ngọc Hải**, A.B. Hassan, Law A.T., Noor Azhar Shazili, 2002. Một số vấn đề trong nuôi vỗ và sinh sản cua biển (*Scylla sp.*). Tạp chí khoa học ĐHC, Quyển 4, 236-241. **Giấy phép xuất bản số 3426/GPXB** của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995.
 - 4) **Tran Ngoc Hai**, Nigel Preston, Donna Brennan, 2003. Shrimp hatchery production in two coastal provinces of the Mekong Delta. In “Rice-Shrimp Farming in the Mekong Delta: Biophysical and Socioeconomic Issues” (N. Preston and H. Clayton –eds). ACIAR Technical Report No. 52, 44-52. **ISBN 1 86320 365 6**.
 - 5) **Trần Ngọc Hải** và Trương Trọng Nghĩa, 2004. Ảnh hưởng của mật độ ương lên sự phát triển và tỷ lệ sống của ấu trùng cua biển (*Scylla paramamosain*) trong mô hình nước xanh. Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, Chuyên ngành Thủy Sản, Trang 187-192. Giấy phép xuất bản số **3426/GPXB** của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995. Nộp lưu chiểu 5/2004.
 - 6) **Tran Ngoc Hai**, Amararatne Yakupitiyage, 2005. The effect of the decomposition of mangrove leaf litter on water quality, growth and survival of black tiger shrimp (*Penaeus monodon* Fabricus, 1789). Aquaculture, ELSERVER. 250 (3-4), 700-712. **ISSN: 0044-8486 - ISI (IF: 2,57)**
 - 7) Tran Thi Thanh Hien, **Tran Ngoc Hai**, Nguyen Thanh Phuong, Hiroshi Y. Ogata and Marcy N. Wider, 2005. The effects of dietary lipid sources and lecithin on the production of giant freshwater prawn *Macrobrachium rosenbergii* larvae in the Mekong Delta region of Vietnam. *Fisheries Science*, Blackwell Publishing. 71 (2), 279-286. **ISSN 0919-9268. ISI (IF: 0,839)**
 - 8) **Trần Ngọc Hải**, A. Yakupitiyage, Trần Minh Nhứt, 2006. Nghiên cứu chất lượng nước và tôm tự nhiên trong các mô hình tôm rừng ở Cà Mau. Tạp chí Khoa học – ĐHC.T. Số chuyên đề thủy sản, Quyển 1, 8-19. Giấy phép xuất bản số **3426/GPXB** của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995.
 - 9) **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Anh Tuấn, Phạm Minh Đức, 2006. Nuôi cua lột (*Scylla sp.*) trong hệ thống bể tuần hoàn với các loại thức ăn và mật độ khác nhau. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề Thủy sản. Quyển 2, 159-170. Giấy phép xuất bản số **3426/GPXB** của Bộ Văn Hóa Thông tin cấp ngày 20/11/1995
 - 10) **Trần Ngọc Hải** và Trần Minh Nhứt, 2008. Ảnh hưởng của mật độ ương, artemia và giá thể lên sự phát triển và tỷ lệ sống ấu trùng ghe xanh (*Portunus pelagicus*). Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề thủy sản, Quyển 2, 124-132. **ISSN:1859-2333**.
 - 11) **Trần Ngọc Hải**, Nguyễn Tấn Nhơn, 2009. Phân tích kỹ thuật và hiệu quả kinh tế ương cá giống và nuôi thương phẩm cá kèo ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, Số 11, 380-389. **ISSN:1859-2333**
 - 12) **Tran Ngoc Hai**, Nguyen Thanh Phuong and Tran Thi Thanh Hien, 2009. Seed production of giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii*) applying modified greenwater system in the Mekong dewlta, Viet Nam. In: S.S. Sirag, A. Christianus and S.K. Daud (eds). Giant Malaysia prawn “Transforming the indusatry technicological innovation”. Proceedings of the International seminar

- on the giant Malaysia prawn 28th–29th March 2008. Kuala Lumpur, Malaysia. Malaysian Fisheries Society, 79-89. **ISBN: 978-983-43823-1-5**
- 13) Trần Ngọc Hải, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Anh Tuấn, 2013.** Nghiên cứu sản xuất giống các loài cá nước lợ - mặn bản địa ở đồng bằng sông cửu Long. Tạp chí nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn, 12, 143-148. **ISSN 1859-4581**
- 14) Trần Ngọc Hải, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh và Cao Mỹ Án, 2011.** Ảnh hưởng của các loại thức ăn khác nhau lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá ngát giai đoạn giống (*Plotosus canius* Hamilton, 1882). Tạp chí Khoa học – Đại học Cần Thơ, số 18b, 254-261. **ISSN:1859-2333**
- 15) Trần Ngọc Hải, Trần Minh Nhứt và Trần Nguyễn Duy Khoa, 2012.** Kết quả bước đầu trong ương nuôi ấu trùng tôm mũ ni với các chế độ cho ăn khác nhau. Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Cần Thơ, số 21b, 133-140. **ISSN:1859-2333**
- 16) Nguyễn Vĩnh Tiến, Nguyễn Chí, Lê Hoàng Phương, Võ Lê Thanh Trúc, Trần Ngọc Hải, 2013.** Nghiên cứu nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh trong hệ thống bể tuần hoàn. Tạp chí nông nghiệp & phát triển nông thôn, số 23, 75-81. **ISSN 1859-4581**
- 17) Trần Ngọc Hải, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Anh Tuấn, 2013.** Nghiên cứu sản xuất giống các loài cá nước lợ - mặn bản địa ở đồng bằng sông cửu Long. Tạp chí nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn, 12, 143-148. **ISSN 1859-4581**
- 18) Trần Ngọc Hải, Đặng Khánh Hồng, Trần Nguyễn Duy Khoa và Lê Quốc Việt, 2013.** Ương ấu trùng cá bớp (*Rachycentron canadum*) với các loại thức ăn khác nhau. Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, số 25, 43-49. **ISSN:1859-2333**
- 19) Tran Ngoc Hai, Le Quoc Viet, Tran Nguyen Duy Khoa, Nguyen Thanh Trung, Ly Van Khanh and Nguyen Anh Tuan, 2013.** Advances in seed production of Cobia (*Rachycentron canadum*) in the Mekong Delta of Viet Nam. International Fisheries Symposium – IFS2012 “ Sharing knowlegdge for sustainable aquaculture and fisheries in the South – East Asia”. Can Tho, 6 – 8th December 2012. Agriculture Pubishing House, 2013, 84-90. **ISBN: 8935217212392**
- 20) Tran Ngoc Hai, Pham Minh Duc, Vo Nam Son, Truong Hoang Minh, Nguyen Thanh Phuong, 2015.** Innovation in shrimp seed production and farming in Vietnam. World Aquaculture, 46(1): 32-37. **ISSN 1041-5602.**
- 21) Roel H Bosma, Tin H. Nguyen, Audrie J. Siahainenia, Ha T. P. Tran and Tran Ngoc Hai, 2016.** Shrimp – based livelihoods in mangrove silvo – aquaculture farmig systems. Reviews in aquaculture 8, 43-60. **ISSN 17-53-5123. ISI (IF: 7.139)**
- 22) Trần Ngọc Hải, Lê Quốc Việt. 2016.** Ứng dụng công nghệ biofloc ương tôm sú (*Penaeus monodon*) giống với các mật độ khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 47b, 96-101, **ISSN 1859-2333**
- 23) Trần Ngọc Hải, Trần Văn Ghe, Cao Mỹ Án và Lê Quốc Việt. 2016.** Ảnh hưởng của tỷ lệ C:N khác nhau lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và chất lượng của cá rô phi (*Oreochromis niloticus*) nuôi theo công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 46b, 103-110. **ISSN 1859-2333**
- 24) Trần Ngọc Hải và Lê Quốc Việt, 2017.** Đánh giá khả năng thay thế Artemia bằng thức ăn nhân tạo trong ương ấu trùng của biền (*Sylla paramamosain*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ 49b, 122-127, **ISSN 1859-2333**

- 25) **Tran Ngoc Hai**, Huong, H.K., Viet, L.Q., Huong, D.T.T. and Phuong, N.T., 2017. Giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii* de Man, 1879) farming in brackish water areas of the Mekong Delta, Vietnam. Can Tho University Journal of Science. 7: 82-90. **ISSN 1859-2333**.
- 26) **Trần Ngọc Hải**, Châu Tài Tảo, 2017. Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng ba khía (*Sesarma sederi*). Tạp chí NN & PTNT số 3+4/2017, 183-189, **ISSN 1859-4581**
- 27) **Trần Ngọc Hải**, Châu Tài Tảo, Nguyễn Văn Đầy, 2018. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) bằng công nghệ Bioflocs với các nguồn carbon khác nhau. Tạp chí Khoa học công nghệ nông nghiệp Việt Nam. Số 10 (95) (2018), trang: 125-129. **ISSN: 1859-0004**.
- 28) **Trần Ngọc Hải**, Trần Thị Thanh Hiền, Trương Quốc Phú, Trần Thị Tuyết Hoa, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, Trần Nguyễn Duy Khoa và Châu Tài Tảo, 2019. Nghiên cứu bổ sung nguồn carbon ở các giai đoạn khác nhau trong ương ấu trùng tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) bằng công nghệ biofloc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(3B): 141-148.
- 29) **Tran Ngoc Hai***, Chau Tai Tao, Tran Nguyen Duy Khoa, Ly van Khanh and Nguyen Thi Ngoc Anh, 2020. Nursery of the Black Tiger Shrimp *Penaeus Monodon* Postlarvae in a Biofloc System with Different Carbon Sources. Oceanography & Fisheries Open Access Journal (OFOAJ). Volume 11 Issue 5 - February 2020. pp. 0077-0084. **ISSN: 2476-0536**. DOI: 10.19080/OFOAJ.2020.11.555821
- 30) Tran Nguyen Duy Khoa*, Chau Tai Tao, Ly Van Khanh, **Tran Ngoc Hai***, 2020. Super-intensive culture of white leg shrimp (*Litopenaeus vannamei*) in outdoor biofloc systems with different sunlight exposure levels: Emphasis on commercial applications. Aquaculture, Volume 524, 15 July 2020, 735277. **ISSN: 0044-8486. ISI, IF 3.022**
- 31) Phạm Minh Truyền, Lê Thanh Nghị, Châu Tài Tảo, Nguyễn Văn Hòa, **Trần Ngọc Hải**, 2020. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh theo công nghệ Bioflocs với các tỷ lệ C/N khác nhau. Tạp chí Khoa học Công nghệ nông nghiệp Việt Nam. Số 1 (110) 2020. Trang 102-108. **ISSN 1859-1558**.
- 32) Châu Tài Tảo, Trần Nguyễn Duy Khoa, Nguyễn Văn Hòa, **Trần Ngọc Hải**, 2020. Nghiên cứu ương ấu trùng tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) theo công nghệ biofloc với các nguồn carbon bổ sung khác nhau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56 (Số chuyên đề: Thủy sản) (2): 29-36.
- 33) **Tran Ngoc Hai**, Nguyen Thanh Phuong, Nguyen Van Hoa, Nguyen Thi Ngoc Anh, Ly Van Khanh, Le Quoc Viet, Chau Tai Tao, Ngo Thi Thu Thao, Patrick Sorgeloos. **2020**. PROMOTING COASTAL AQUACULTURE FOR ADAPTATION TO CLIMATE CHANGE AND SALTWATER INTRUSION IN THE MEKONG DELTA, VIETNAM. World Aquaculture. 6/2020. 19-26
- 34) Nguyen Thi Ngoc Anh, **Tran Ngoc Hai**, Lam My Lan, Nguyen Hoan Vinh, Bui Nuyen Thu An, **2020**. POLYCULTURE CULTURE OF BLACK TIGER SHRIMP *PENAEUS MONODON* AND RED SEAWEED *GRACILARIA TENUISTIPITATA* UNDER DIFFERENT DENSITIES: EFFECTS ON WATER QUALITY, POST-LARVAE PERFORMANCE AND THEIR RESISTANCE AGAINST *VIBRIO PARAHAEEMOLYTICUS*. Journal of Applied Phycology. 32. 4333–43
- 35) Nguyen Minh Khiem, Yuki Takahashi, Dang Thi Hoang Oanh, **Tran Ngoc Hai**, Hiroki Yasuma, Nobuo Kimura, 2020. The use of machine learning to predict acute

- hepatopancreatic necrosis disease (AHPND) in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta of Vietnam. *Fisheries Science*, Volume 86, pages 673–683(2020).
- 36) Tran Huu Tinh, Tom Koppenol, **Tran Ngoc Hai**, Johan AJ Verreth, Marc CJ Verdegem, 2021. Effects of carbohydrate sources on a biofloc nursery system for whiteleg shrimp (*Litopenaeus vannamei*). *Aquaculture* Volume 531, 30 January 2021, 735795. <https://doi.org/10.1016/j.aquaculture.2020.735795>
- 37) Tran Huu Tinh, **Tran Ngoc Hai**, Johan AJ Verreth, Marc CJ Verdegem, 2021. Effects of carbohydrate addition frequencies on biofloc culture of Pacific white shrimp (*Litopenaeus vannamei*). *Aquaculture*. Volume 534, 15 March 2021, 736271. <https://doi.org/10.1016/j.aquaculture.2020.736271>.
- 38) Nguyen Minh Khiem, Yuki Takahashi, Hiroki Yasuma, Dang Thi Hoang Oanh, **Tran Ngoc Hai**, Vu Ngoc Ut, Nobuo Kimura, 2022. Use of GIS and machine learning to predict disease in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta, Vietnam. *Fisheries Science*, 2022, 88(1-13)
- 39) Nguyen Thi Ngoc Anh, Nguyen Hoang Vinh, Dang Trung Doan, Lam My Lan, Akira Kurihara, **Tran Ngoc Hai**, 2022. Co-culture of red seaweed *Gracilaria tenuistipitata* and black tiger shrimp *Penaeus monodon* in an improved extensive pond at various stocking densities with partially reduced feed rations: a pilot-scale study. *Journal of Applied Phycology*, 34, pages 1109–1121 (2022)
- 40) HT Toi, NTN Anh, PTT Ngan, TNH Nam, **TN Hai**, 2023. Effects of stocking densities and seaweed types as shelters on the survival, growth, and productivity of juvenile mud crabs (*Scylla paramamosain*). *The Egyptian Journal of Aquatic Research*
- 41) Anh, N.T.N., Nam, **T.N.Hai**, Lan, L.M. et al. 2024. Polyculture of black tiger shrimp *Penaeus monodon*, mud crab *Scylla paramamosain* and red seaweed *Gracilaria tenuistipitata*, in improved extensive ponds in the Mekong delta, Vietnam. *Aquacult Int* 32, 1975–2003 (2024). <https://doi.org/10.1007/s10499-023-01254-w>.

Sách – giáo trình

1. Nguyễn Thanh Phương, **Trần Ngọc Hải**, Trần Thị Thanh Hiền, Marcy Wider, 2003. **Nguyên lý và kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*)**. NXB Nông Nghiệp TP HCM, 2003. Giấy chấp nhận đề tài xuất bản số 121/XB-QLXB – CXB cấp ngày 28/01/2003. Nộp lưu chiểu Quý IV, 2003
2. **Trần Ngọc Hải, Nguyễn Thanh Phương, 2009**. Nguyên lý và kỹ thuật nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*). NXB Nông Nghiệp TP HCM, 2009. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 86-2009/CXB/ 148-02/NN, do CXB cấp ngày 02/02/2009. Nộp lưu chiểu Quý II, 2009. 203 trang.
3. **Trần Ngọc Hải (CHỦ BIÊN)**, Châu Tài Tảo, Nguyễn Thanh Phương, 2017. **Giáo trình Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác**. Nhà Xuất Bản Đại Học Cần Thơ, 2017. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 157-2017/CXBIPH/30-03/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-833-5. Nộp lưu chiểu Quý 4 năm 2017. 211 trang
4. **Trần Ngọc Hải**, Lê Quốc Việt, Lý Văn Khánh, Nguyễn Thanh Phương, 2017. **Giáo trình Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển**. Nhà Xuất Bản Đại học Cần Thơ, 2017. Số xác nhận đăng ký XB: 3366-2017/CXBIPH/1-105/NXB ĐHCT. ISBN: 978-604-919-937-0. Nộp lưu chiểu Quý 4/ 2017. 139 trang.

5. **Trần Ngọc Hải, 2017. Nguyên lý và Kỹ thuật nuôi cua biển.** NXB Nông nghiệp, 2017. Số xác nhận đăng ký XB: 3305-2017/CXBIPH/2-208/NN ngày 29/9/2017. ISBN: 978-604-2606-8. Nộp lưu chiểu quý IV/2017. 138 trang.

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

Google scholar: h-index:16; i10-index: 35, Citations: 1390

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: **Tiếng Anh**

- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: **Tốt**

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 12 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI KHAI

Trần Ngọc Hải